BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
THANH TRA

Số: 100 /KL-TTr

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 5 năm 2019

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động tại Công ty Cổ phần bến xe Hà Nội

Thực hiện Quyết định số 62/QĐ-TTr ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động tại Tổng công ty Vận tải Hà Nội (sau đây gọi tắt là Tổng công ty), đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết; ngày 08 tháng 4 năm 2019, Đoàn thanh tra của Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành thanh tra tại Công ty Cổ phần bến xe Hà Nội; thời kỳ thanh tra từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến thời điểm thanh tra;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Trưởng đoàn thanh tra,

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Tên đơn vị: Công ty Cổ phần bến xe Hà Nội (sau đây gọi là Doanh nghiệp).

2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần do Tổng công ty Vận tải Hà Nội sở hữu 67% vốn điều lệ.

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 05 tháng 10 năm 2016.

4. Ngành, nghề kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp bến xe đường bộ.

5. Mô hình cơ cấu tổ chức: Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, 03 phòng chuyên môn.

6. Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

7. Điện thoại: 024.38642439 Fax: 024. 38644536.

8. Số tài khoản 0631110666888 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội - chi nhánh Định Công - Hà Nội.

9. Doanh nghiệp đã thành lập tổ chức công đoàn.

10. Tổng số người đang làm việc tại doanh nghiệp tại thời điểm thanh tra là 399 người, trong đó lao động nữ là 148 người.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG ĐÃ ĐƯỢC DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN

1. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Trong thời kỳ thanh tra, Doanh nghiệp tuyển mới 27 người.

- Hình thức và phương thức tuyển: Trực tiếp tuyển lao động thông qua trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tài sản hoặc tiền đặt cọc của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.

- Doanh nghiệp không giữ văn bằng, chứng chỉ gốc hoặc giấy tờ tùy thân của người lao động khi được tuyển dụng.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động.

- Hình thức đào tạo, bồi dưỡng: Đào tạo tại chỗ, ký hợp đồng mời các đơn vị có chức năng đào tạo để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động.

- Doanh nghiệp không thực hiện ký kết hợp đồng đào tạo nghề; không thực hiện ký kết hợp đồng học nghề, tập nghề.

- Doanh nghiệp áp dụng thời gian thử việc 30 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ; thử việc 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên.

- Đã xây dựng kế hoạch sử dụng lao động, xin ý kiến người đại diện phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp và báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng lao động với Tổng công ty, cụ thể:

+ Năm 2017, tổng số lao động kế hoạch là 417 người, số lao động thực tế sử dụng bình quân là 414 người, bằng 99,04% tổng số lao động kế hoạch.

+ Năm 2018, tổng số lao động kế hoạch là 406 người, số lao động thực tế sử dụng bình quân là 399 người, bằng 98,8% tổng số lao động kế hoạch.

3. Thực hiện hợp đồng lao động (*số liệu tính tại thời điểm thanh tra*)

- Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 02 người (thành viên Hội đồng quản trị: Giám đốc, Phó Giám đốc).

- Số người thuộc đối tượng phải ký hợp đồng lao động: 397 người.

- Đã ký hợp đồng lao động với 397/397 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 366 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng: 31 người.

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động cho thuê lại.

- Trong thời kỳ thanh tra, Doanh nghiệp không có lao động bị mất việc làm.

- Trong thời kỳ thanh tra, Doanh nghiệp có 12 lao động thôi việc, trong đó 10 lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc, Doanh nghiệp đã chi trả theo quy định với tổng số tiền 493.782.230 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và Thoả ước lao động tập thể

- Doanh nghiệp đã xây dựng và ban hành Quy chế đối thoại tại nơi làm việc ban hành kèm theo Quyết định số 688/QĐ/CPBX-TCHC ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Giám đốc doanh nghiệp; đã thực hiện đối thoại định kỳ tại nơi làm việc 03 tháng/lần.

- Doanh nghiệp và đại diện Ban chấp hành Công đoàn đã ký kết thỏa ước lao động tập thể và gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

5. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện môi trường lao động bình thường: 08 giờ/ngày, 44 giờ/tuần đối với bộ phận hành chính; 08 giờ/ngày, 48 giờ/tuần đối với bộ phận điều hành bến xe.

- Doanh nghiệp không có lao động làm các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi theo quy định.

- Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng không hưởng lương, nghỉ việc riêng có hưởng lương theo quy định.

- Thời gian làm thêm giờ đối với người lao động không quá 20 giờ/tháng, không quá 200 giờ/năm.

- Đã thực hiện ngày nghỉ hàng năm đối với lao động làm công việc bình thường là 12 ngày/năm, lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 14 ngày/năm và cứ 05 năm công tác được nghỉ thêm 01 ngày.

- Không phát sinh quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc.

6. Tiền lương và thu nhập

6.1. Công tác quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động

6.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương

- Doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương và gửi thang lương, bảng lương đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Đã xây dựng tiêu chuẩn chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ để xếp lương, điều kiện nâng bậc lương.

- Hệ số lương cấp bậc bình quân của người lao động xếp theo thang lương, bảng lương đang được áp dụng tại doanh nghiệp (HSLBQ):

Nội dung	Năm 2017		Năm 2018	
	Số lao động	HSLBQ	Số lao động	HSLBQ
Lao động quản lý	3	3,17	3	3,17
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	31	1,77	32	1,75
Lao động trực tiếp SXKD, thừa hành, phục vụ	380	1,35	367	1,35
Tổng số	**414**	**1,39**	**402**	**1,4**

- Hệ số phụ cấp lương bình quân của doanh nghiệp (HSPCBQ).

Các loại phụ cấp	Năm 2017		Năm 2018	
	Số người	HSPCBQ	Số người	HSPCBQ
Chức vụ	17	0,245	16	0,241
Trách nhiệm	33	0,153	30	0,155
Bình quân chung	50	0,185	46	0,185

6.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Tổng công ty đã chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Doanh nghiệp xây dựng tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định.

- Doanh nghiệp áp dụng Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động và trình Tổng Công ty phê duyệt, cụ thể:

+ Năm 2017, quỹ tiền lương kế hoạch được Tổng công ty phê duyệt là 48.310 triệu đồng (theo Quyết định số 2718/QĐ-TCT ngày 26/12/2016 của Tổng giám đốc Tổng công ty).

+ Năm 2018, quỹ tiền lương kế hoạch được Tổng công ty phê duyệt là 50.770 triệu đồng (theo Quyết định số 2726/QĐ-TCT ngày 26/12/2016 của Tổng giám đốc Tổng công ty).

+ Năm 2019, quỹ tiền lương kế hoạch được Tổng công ty phê duyệt là 49.935 triệu đồng (theo Quyết định số 2462/QĐ-TCT ngày 28/12/2018 của Tổng giám đốc Tổng công ty).

- Căn cứ các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh (lợi nhuận, năng suất lao động giữa thực hiện so với kế hoạch trong năm), Doanh nghiệp xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động: Năm 2017 là 49.425 triệu đồng; năm 2018 là 49.841 triệu đồng.

- Hình thức trả lương: Doanh nghiệp áp dụng hình thức trả lương theo thời gian.

- Đã xây dựng quy chế trả lương cho người lao động.

- Doanh nghiệp thực hiện phân phối quỹ tiền lương cho người lao động theo đúng quy chế trả lương của Doanh nghiệp.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: Không phát sinh.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: Không phát sinh.

6.1.3. Các khoản thu nhập khác

- Tiền ăn ca: Người lao động được hỗ trợ tiền ăn ca, mức: 30.000 đồng/người/ngày làm việc; hình thức thanh toán: Trả bằng tiền mặt.

- Các khoản phụ cấp khác: Không có.

- Tiền thưởng từ quỹ khen thưởng:

+ Năm 2017: Tổng số tiền thưởng đã chi là 2.040 triệu đồng.

+ Năm 2018: Tổng số tiền thưởng đã chi là 393 triệu đồng.

+ Công ty đã xây dựng quy chế thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 28/QĐ-HĐQT ngày 06/01/2018 quy định về quản lý quỹ tài chính trong đó có quy định về sử dụng quỹ khen thưởng.

- Tiền lương bình quân theo hệ thống thang lương, bảng lương của người lao động:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017			Năm 2018		
		Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
Tiền lương	Triệu đồng/người/tháng	12,750	5,906	3,750	13,532	6,308	3,980

- Tiền lương và thu nhập bình quân thực tế được nhận của người lao động như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017			Năm 2018		
		Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
Tiền lương	Triệu đồng/người/tháng	18,199	9,917	6,294	20,397	10,506	7,665
Thu nhập	Triệu đồng/người/tháng	25,219	10,469	7,330	24,405	11,068	7,785

6.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý

6.2.1. Tiền lương

- Số lượng người quản lý chuyên trách tại thời điểm thanh tra: 04 người, gồm Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

- Số người quản lý không chuyên trách tại thời điểm thanh tra: 06 người, gồm Chủ tịch và 02 thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và 02 thành viên Ban kiểm soát.

- Phân phối tiền lương đối với người quản lý:

+ Hàng năm, Tổng công ty phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch cho người quản lý: Năm 2017 là 852 triệu đồng, năm 2018 là 888 triệu đồng, năm 2019 là 1.158 triệu đồng.

+ Căn cứ các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh (lợi nhuận, năng suất lao động giữa thực hiện so với kế hoạch trong năm), Doanh nghiệp xác định Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động: Năm 2017 là 937 triệu đồng, năm 2018 là 994 triệu đồng.

+ Doanh nghiệp đã phân phối quỹ lương của người quản lý theo đúng quy chế trả lương.

6.2.2. Tiền thưởng

- Năm 2017, Doanh nghiệp đã trích lập quỹ tiền thưởng đối với người quản lý, tổng số tiền là 304 triệu đồng.

- Năm 2018, Doanh nghiệp chưa trích lập quỹ tiền thưởng.

6.3. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp

- Người đại diện phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp đã có ý kiến báo cáo Tổng công ty về các chỉ tiêu kế hoạch lao động, quỹ tiền lương, thù lao của người lao động, người quản lý.

- Đã báo cáo Tổng công ty về kết quả giám sát chung việc thực hiện lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng tại Doanh nghiệp.

7. An toàn, vệ sinh lao động

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Doanh nghiệp đã xây dựng kế hoạch an toàn,vệ sinh lao động hàng năm.

- Tại thời điểm thanh tra, Doanh nghiệp không sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động và lập sổ theo dõi việc cấp phát trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân theo quy định.

- Thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại: Không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, không có vụ tai nạn lao động nào xảy ra tại Doanh nghiệp.

- Đã quan trắc môi trường lao động theo quy định, kết quả: Số mẫu đã đo là 04 mẫu; 03 mẫu đạt tiêu chuẩn; 01 mẫu không đạt tiêu chuẩn (tiếng ồn). Biện pháp giảm thiểu: Doanh nghiệp phối hợp nhà xe thay thế xe cũ, không sử dụng còi hơi trong bến.

- Trang bị phương tiện y tế: Doanh nghiệp đã trang bị tủ thuốc tại các bến xe.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, cụ thể: Năm 2017, tổ chức khám sức khỏe cho 421 người, năm 2018 tổ chức khám sức khỏe cho 401 người. Đã khám chuyên khoa phụ sản cho lao động nữ.

- Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc trong điều kiện có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp: Không phát sinh

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 148 người.

- Đã thực hiện quy định về thời giờ làm việc đối với lao động nữ: không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên, nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi làm việc ban đêm, làm thêm giờ và đi công tác xa.

- Không có lao động nữ làm việc tại những nơi có yếu tố nguy hiểm, nặng nhọc, độc hại.

- Trong thời kỳ thanh tra, không có trường hợp lao động nữ bị sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

- Đã bố trí chỗ thay quần áo, phòng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

- Đã đảm bảo việc làm cho lao động nữ khi hết thời gian nghỉ thai sản.

8.2. Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật, lao động chưa thành niên, lao động cao tuổi và lao động là người nước ngoài.

9. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội.

- Trong thời kỳ thanh tra, Doanh nghiệp xử lý kỷ luật 02 người lao động (ông Nguyễn Quang Diễn và ông Hoàng Việt là nhân viên điều hành bến xe Giáp Bát) bằng hình thức "kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng". Doanh nghiệp đã chứng minh được lỗi của người lao động; trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật theo đúng quy định.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: Không phát sinh.

10. Tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, không có vụ tranh chấp về lao động nào xảy ra tại Doanh nghiệp.

11. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

- Đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho 399/399 người thuộc đối tượng phải tham gia.

- Đã làm thủ tục đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội cấp 399 sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động.

- Đã phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện các chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và các chế độ khác đối với người lao động.

- Tại thời điểm thanh tra, Doanh nghiệp không chậm nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

- Đã trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định.

12. Khiếu nại về lao động: Trong thời kỳ thanh tra, không có vụ khiếu nại về lao động nào xảy ra tại Doanh nghiệp.

III. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG CHƯA ĐƯỢC DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN HOẶC THỰC HIỆN CHƯA ĐẦY ĐỦ

1. Chưa báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 6 tháng đầu năm và hàng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương theo quy định tại Điều 6 Bộ luật Lao động năm 2012, Điều 8 Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ; Thông tư số 23/2014/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Chưa báo cáo định kỳ hàng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương theo quy định tại Điều 7 Luật An toàn, vệ sinh lao động; Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Chưa báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động 06 tháng đầu năm và hàng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương theo quy định tại Điều 36 Luật An toàn vệ sinh lao động; Điều 24 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

4. Khoản 1 Điều 4 Quy chế tuyển dụng lao động ban hành kèm theo Quyết định số 628/QĐ-HĐQT ngày 16/11/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định đối tượng tham gia tuyển dụng "Ngoại hình: cân đối, không có khuyết tật ảnh hưởng đến công tác" là chưa đúng theo quy định tại Điều 8 Bộ luật Lao động năm 2012.

5. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể lao động hoặc của người sử dụng lao động là chưa đúng theo trình tự quy định tại Điều 71 Bộ luật Lao động năm 2012; các nội dung của thỏa ước chủ yếu sao chép lại các

quy định của Bộ luật Lao động chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Bộ luật Lao động năm 2012.

6. Trả lương cho người lao động tại bộ phận điều hành bến xe Giáp Bát làm thêm giờ vào ban đêm của ngày lễ (ngày 01 tháng 5 năm 2018) bằng 130% tiền lương theo công việc là không đúng quy định tại Điều 97 của Bộ luật Lao động năm 2012.

7. Doanh nghiệp chi thù lao cho người quản lý chuyên trách (02 người quản lý làm việc theo chế độ chuyên trách là Giám đốc và Phó Giám đốc doanh nghiệp) là không đúng quy định tại Điều 6 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

8. Chưa bố trí người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

9. Chưa bố trí cán bộ làm công tác y tế hoặc ký hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

10. Chưa tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người quản lý; người lao động theo quy định tại Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động; Điều 17, 18, 19 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

11. Chưa xây dựng phương án, kế hoạch giúp đỡ, hỗ trợ, xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo đối với lao động nữ có con trong độ tuổi gửi trẻ, mẫu giáo bằng tiền mặt hoặc hiện vật theo quy định tại Điều 9 Nghị định 85/2015/NĐ-CP ngày 01/10/2015 quy định chi tiết một số điều của Bô luật Lao động về chính sách đối với lao động nữ.

12. Nội quy lao động còn một số nội dung chưa phù hợp với quy định Điều 118, Điều 119 Bộ luật Lao động năm 2012, cụ thể:

- Tại khoản 1 Điều 17 quy định: Người sử dụng lao động được quyền điều chuyển người lao động làm việc tại một địa điểm khác, công việc khác so với hợp đồng lao động đã ký kết là chưa đúng theo quy định tại Điều 23, Điều 31 Bộ luật Lao động năm 2012.

- Tại Mục IV quy định về Bảo vệ tài sản, bí mật công nghệ, kinh doanh của Doanh nghiệp, nhưng không quy định cụ thể danh mục về bảo vệ tài sản, bí mật công nghệ, kinh doanh, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi:

- Trả không đủ tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc ban đêm cho 06 người lao động, quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 88/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

95/2013/NĐ-CP ngày 22/08/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 35/QĐ-XPVPHC ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc xử phạt vi phạm hành chính về lao động đối với Công ty Cổ phần bến xe Hà Nội theo quy định.

2. Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu Giám đốc Doanh nghiệp khắc phục các vi phạm nêu tại phần III Kết luận này như sau:

2.1. Các vi phạm số 1, 2, 3, 7 và 11 phải được khắc phục theo định kỳ.

2.2. Doanh nghiệp khắc phục vi phạm số 5 đảm bảo thực hiện đúng quy định tại mục 2, mục 3 Chương V Bộ luật Lao động khi nhận được Kết luận này.

2.3. Vi phạm số 6 khắc phục khi có phát sinh.

2.4. Các vi phạm còn lại phải được khắc phục trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận này.

2.5. Vi phạm số 12: Yêu cầu Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội rút kinh nghiệm trong việc xem xét nội quy lao động do các doanh nghiệp đăng ký và thực hiện đúng quy định tại Điều 120 Bộ luật Lao động năm 2012. Doanh nghiệp có trách nhiệm rà soát sửa đổi nội quy lao động và đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội.

Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra, yêu cầu Giám đốc Công ty Cổ phần bến xe Hà Nội báo cáo (bằng văn bản) kết quả thực hiện các kiến nghị nêu trên, gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, hồ sơ có liên quan đến việc khắc phục vi phạm về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần bến xe Hà Nội (để t/h);
- Tổng công ty Vận tải Hà Nội (để đôn đốc t/h);
- Sở LĐTBXH Tp. Hà Nội (để t/h);
- Cổng TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: Hồ sơ, TTr.

CHÁNH THANH TRA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THANH TRA VIỆT
THANH TRA BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Nguyễn Tiến Tùng